

Số: 1496 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 07 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, quy mô 2.700 heo nái và 42.000 heo thịt; địa điểm xây dựng: Tại khoảnh 4, Tiểu khu 1685 và Khoảnh 6, Tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông của Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 368/TTr-TNMT-BVMT ngày 02 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, quy mô 2.700 heo nái và 42.000 heo thịt; địa điểm xây dựng: Tại khoảnh 4, Tiểu khu 1685 và khoảnh 6, Tiểu khu 1679, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là dự án)



của Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu sau:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý môi trường, trong trường hợp có những thay đổi phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (được thành lập theo Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh) chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu tại Quyết định này.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đắk Glong thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Yêu cầu UBND huyện Đắk Glong không quy hoạch, không đề xuất quy hoạch khu dân cư xung quanh khu vực dự án để đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.



Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Môi trường;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT, KH&CN, XD;
- UBND huyện Đắk Glong;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Công ty TNHH chăn nuôi Quảng Sơn;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng



PHỤ LỤC:

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO QUẢNG SƠN

(QUY MÔ: 2.700 HEO NÁI VÀ 42.000 HEO THỊT)

(Kèm theo Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án đầu tư trang trại chăn nuôi heo Quảng Sơn, quy mô 2.700 heo nái và 42.000 heo thịt.

- Vị trí thực hiện dự án: Khoảnh 4, Tiểu khu 1685 và Khoảnh 6, Tiểu khu 1679 xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện: Bà Cao Thị Thu Hiền, chức danh: Tổng Giám đốc.

Sinh năm 1979, CMND số: 271275290, cấp ngày 27/12/2016, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ: Số 76, đường N7, khu dân cư Tân Hiệp, khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0983.336.179.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô đàn tối đa: 2.700 heo nái và 42.000 heo thịt.

- Tổng diện tích của dự án: Khoảng 26,46 ha.

- Diện tích thực hiện các công trình dự án là: 264.678 m².

Trong đó:

- Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 66.053,3 m².

- Diện tích các công trình phụ trợ: 15.022,2 m²;

- Diện tích các công trình bảo vệ môi trường: 183.602,54 m², trong đó:

+ Diện tích cây xanh, cảnh quan: 157.626,3 m²,

+ Diện tích xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hồ dự phòng sự cố: 25.976,24 m².

- Hình thức chăn nuôi: Theo mô hình tập trung, chuồng lạnh công nghệ cao, mới, khép kín.

- Hạng mục khai thác nước dưới đất và các nội dung liên quan đến khai thác và sử dụng nguồn nước phục vụ Dự án không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án



2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Trong giai đoạn thi công xây dựng (do việc vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án): Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, an ninh trật tự, kinh tế-xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố do hoạt động thi công xây dựng của Dự án*).

- Trong giai đoạn đi vào vận hành: Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, kinh tế-xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố của Dự án*).

2.2. Các loại chất thải chính phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt (khoảng 3 m³/ngày đêm); nước thải chăn nuôi (khoảng 816,8 m³/ngày đêm).

- Chất thải rắn:

+ Chất thải sinh hoạt (khoảng 15 kg/ngày).

+ Chất thải từ hoạt động chăn nuôi heo: Chất thải chăn nuôi khoảng 48.052,5 kg/ngày; chất thải rắn từ các loại bao bì khác khoảng 447 kg/ngày; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 3.022 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Khoảng 25kg/năm (dạng rắn) và khoảng 10 lít dầu/năm/2 kỳ bảo dưỡng (dạng lỏng).

- Chất thải khác: Khoảng 2.662 kg/tháng (heo chết từ quá trình bị bệnh, nhau thai trong quá trình sinh sản của heo).

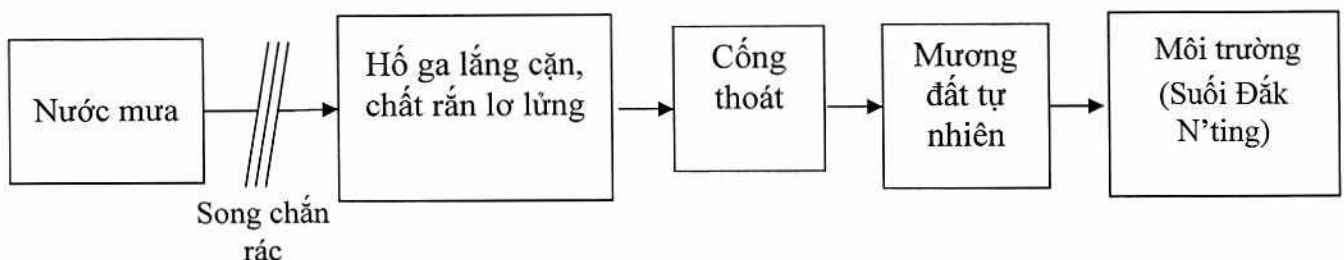
3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa:

Xây dựng hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa riêng với nước thải. Sơ đồ thu gom như sau:



2

- Trên các tuyến đường thoát nước có bố trí song chắn rác, các hố ga lắng cặn dẫn vào hệ thống cống (bê tông cốt thép) ly tâm, đường kính 1 m vào mương đất tự nhiên thoát ra vào nguồn tiếp nhận là suối Đắc N'ting phía Bắc dự án.

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, gồm: Nước thải sinh hoạt (Nước thải vệ sinh xử lý qua bể tự hoại → tự thấm); nước thải từ hoạt động chăn nuôi (Nước thải thu gom từ Trại nuôi heo và heo thịt → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất khoảng 900 m³/ngày đêm).

- Quy trình thu gom nước thải: Hệ thống thu gom nước thải từ khu chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải kín, quét hồ dầu chống thấm đảm bảo để thoát nước và không thoát chung với đường thoát nước khác.

- Quy trình xử lý nước thải tuần hoàn của Dự án:

Nước thải từ 02 khu chuồng trại → Bể thu gom → Hàm Biogas → Hồ điều hòa → Bể trộn 1 → Bể làm thoáng → Bể trộn 2 → Bể trộn 3 → Bể lắng 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 2 → Hồ sinh học bậc 1 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ sinh học bậc 2- Hồ chứa nước tái sử dụng → Bể oxy hóa Ozone → Bể lọc cát và than hoạt tính (nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, được tái sử dụng lại 100% cấp lại cho hoạt động dự án).

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Trong quá trình đi vào hoạt động của dự án, tùy theo tình hình thực tế (nếu thấy cần thiết) cơ quan kiểm tra, quản lý sẽ yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hệ thống quan trắc nước thải tự động.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng chế phẩm sinh học EM, GEM - K,... để hạn chế mùi hôi.

- Khí gas thu từ hàm biogas được thu gom bằng các ống thu khí dẫn về khu xử lý khí thải (lò đốt xác heo, đun nấu và máy phát điện, đầu đốt xử lý khí gas thừa).

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để tạo dải cách ly với khu vực bên ngoài và hạn chế mùi hôi (diện tích trồng cây xanh 157.626,3 m²).

3.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với chất thải rắn có nguồn gốc thực phẩm phải phân loại thu gom riêng và chôn lấp theo kiểu chôn lấp tại nông thôn.

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng như: Giấy, chai lọ, bao bì, kim loại ... sẽ được tập trung vào thùng riêng rồi bán phế liệu.

+ Chất thải rắn có nguồn gốc vô cơ không thể tái sử dụng: Chứa tạm thời tại nhà chứa rác và định kỳ 3 ngày/lần sẽ sử dụng xe tải vận chuyển đến bãi rác của xã để đổ thải.

+ Bố trí 02 thùng rác 60 lít đặt tại khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân, để thu gom rác sinh hoạt. Ngoài ra trang bị mỗi phòng làm việc, mỗi phòng ở công nhân 01 thùng rác 10 lít có nắp đậy kín. Để đảm bảo vệ sinh cũng như an toàn phòng chống dịch bệnh cho đàn heo, xây dựng 01 nhà chứa rác có diện tích 30 m², 01 thùng rác 120 lít để lưu chứa rác, hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định

- Chất thải chăn nuôi (phân heo): Đầu tư 01 máy ép phân có công suất ép từ 5 – 20 m³/h để tách phân ra khỏi nước thải, quy trình thực hiện như sau:

+ Phân và nước thải sẽ theo hệ thống mương thu từ hai hệ thống chuồng dẫn về hồ thu gom nước thải, tại hồ thu gom nước thải sẽ được giữ lại nhờ song chắn, nước thải sẽ chảy tiếp theo mương dẫn vào hầm biogas. Định kỳ 1 ngày/lần sẽ sử dụng máy tách phân để hút và tách phân tại hồ gom, máy tách phân hoạt động theo cơ chế trục vít xoắn, đầu vào của máy là vòi hút đưa cả phân và nước vào trục vít, trục vít sẽ xoắn tải và tách phân ra khỏi nước, nước sẽ theo đường ống chảy ra mương thu sau hồ gom, độ ẩm của phân sau khi tách từ 25 – 30%, tỷ lệ phân tách ra được khoảng 65 - 70% tương đương với 232.440 kg/lần tách. Phân sau khi được tách sẽ được khử trùng bằng vôi bột, sử dụng vôi bột có tính sát trùng mạnh, diệt các cầu khuẩn sinh mủ, các liên cầu khuẩn, E.coli, trực khuẩn đóng dấu lợn, tụ huyết trùng, phó thương hàn...

+ Để hạn chế mùi hôi, Chủ dự án phải dùng chế phẩm EM pha với nước sạch (nước giếng hoặc nước máy được để ổn định) theo tỷ lệ pha 1lít EM cho 200 – 500 lít nước, tiến hành phun đều lên phân heo.

+ Phân phải được đóng bao với trọng lượng 50 kg/bao, để hạn chế mùi hôi phát sinh trang trại sử dụng bao chứa 02 lớp, lớp trong là bao nilon, lớp ngoài là bao tận dụng. Phân sau khi đóng bao phải vận chuyển về nhà chứa phân để tạm trữ trước khi xuất bán cho người dân có nhu cầu.

- Bao bì đựng thức ăn phải được thu gom xử lý theo quy định

- Bùn thải thu gom từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi bán cho các đơn vị có nhu cầu dùng làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh.

3.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt, văn phòng: Bóng đèn huỳnh quang, pin, thiết bị điện tử hư hỏng, hộp mực in, ...; chất thải nguy hại từ chăn nuôi: Bao bì, chai lọ đựng thuốc thú y, thuốc vắc xin, thuốc sát trùng, ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng, phải thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường. Định kỳ thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Về kho lưu chứa: Kho chứa chất thải nguy hại của trang trại (diện tích 24 m²); phải được xây dựng theo TCVN 4317:1986 – Nhà kho – Nguyên tắc cơ bản thiết kế và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với xác heo chết, nhau thai: Xây dựng 01 lò đốt xác để tiêu hủy heo chết. Công suất đốt của lò là 500 kg/ngày, nhiên liệu sử dụng cho lò đốt từ khí ga thu gom từ hầm biogas của trang trại.

- Heo chết do dịch bệnh phải tiêu hủy theo quy định của Luật Thú y năm 2015.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lò đốt xác: Đối với xác heo chết sử dụng lò đốt công suất 500 kg/ngày; Trong trường hợp heo bị bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm, phải xử lý, tiêu hủy theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và quy định của Luật Thú y năm 2015, Luật Bảo vệ môi trường.

- Hồ hủy xác, kích thước rộng (10m x dài 10m x sâu 6m) ứng phó khi có sự cố khi dịch bệnh.

- Bể sự cố (dung tích sử dụng khoảng 4.200m², tương đương 25.200m³, kích thước rộng (60m x dài 70m x sâu 6m): là công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải; lưu chứa nước thải khi hệ thống gặp sự cố, được bơm về lại các hồ của hệ thống để tiếp tục xử lý.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hệ thống song chắn rác, bể tự hoại.
- Công trình xử lý nước thải từ hoạt động chăn nuôi: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất khoảng 900 m³/ngày đêm).

- Hệ thống thu gom nước mưa.

- Nhà để máy ép phân và máy ép phân (công suất khoảng 5 - 20m³/giờ).

- Nhà chứa phân (diện tích 108 m²).

- Lò đốt xác heo (diện tích khoảng 9 m²).

- Thùng chứa có nắp đậy để lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt.



[Handwritten signature]

- Nhà lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (diện tích 24 m²).
- Trồng cây xanh trong khu vực Dự án (diện tích 157.626,3 m², đạt tỷ lệ 59,55%).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực san lấp mặt bằng và xây dựng công trình.

Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, độ rung

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, trung bình 1h - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn

Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: Rác sinh hoạt, rác phát sinh do các hoạt động xây dựng.

Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.

Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thông số giám sát: Theo dõi thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công và chất thải nguy hại.

Vị trí giám sát: Tại khu vực lán trại công nhân và khu vực thi công xây dựng.

Giám sát định kỳ: 3 tháng/01 lần.

5.1.4. Giám sát nước thải

- Thông số giám sát: Khối lượng thải, pH, chất rắn lơ lửng, DO, BOD, COD, tổng N, tổng P, coliform.

- Số điểm: 1 điểm.

- Vị trí giám sát: Hồ lắng nước thải phương tiện thiết bị.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Trách nhiệm thực hiện giám sát: Chủ dự án, nhà thầu xây dựng, nhà thầu giám sát.



2

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.5. Giám sát khác

Ngoài việc giám sát các chất thải phát sinh thì chủ dự án còn giám sát an toàn sụt lún, sạt lở đất đá khi thi công công trình, giám sát tại những vị trí thi công có nguy cơ gây sạt lở để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

Giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án, công tác vận chuyển cung cấp nguyên vật liệu, tiến độ thực hiện dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát không khí môi trường lao động

Số lượng mẫu: 05 mẫu.

Vị trí giám sát:

- + K1: 01 điểm khu điều hành, nhà ở công nhân;
- + K2: 01 điểm trong khu vực chuồng trại chăn nuôi heo nái.
- + K3: 01 điểm tại khu vực trường nuôi heo thịt.
- + K4: 01 vị trí khu xử lý nước thải
- + K5: 01 vị trí bên cạnh nhà chứa phân sau khi ép

Tọa độ giám sát:

- + K1: X = 1340656; Y = 428010.
- + K2: X = 1340309; Y = 428020.
- + K3: X = 1340398; Y = 428248.
- + K4: X = 1340168; Y = 428231.
- + K5: X = 1340426; Y = 428212.

Tần suất khảo sát: 03 tháng /lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

Các thông số lựa chọn để giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

Riêng đối với giám sát môi trường tại vị trí hồ huỷ xác:

- Khi có dịch bệnh và cần đến công trình này; chủ dự án phải phối hợp với cơ quan phòng chống dịch bệnh gia súc tại địa phương để lựa chọn và xác định vị trí xây dựng hồ huỷ xác. Từ đó sẽ xác định vị trí để giám sát môi trường tại khu vực này.

- Số lượng vị trí giám sát dự kiến là 02 điểm: Tại đầu hướng gió và cuối hướng gió khu vực hồ huỷ xác.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố. Thời gian giám sát bắt đầu từ thời điểm xây dựng và sử dụng hồ huỷ xác.

- Các thông số lựa chọn để giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

5.2.2. Giám sát không khí thải

Số lượng mẫu: 01 mẫu.

Vị trí giám sát: K6: 01 vị trí ống khí thải sau lò đốt xác.

Tọa độ giám sát: K6: X = 1340422; Y = 428195.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

Các thông số lựa chọn để giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

Quy chuẩn so sánh :

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.3. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

Thông số giám sát: Lưu lượng phát sinh, pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliform.

Vị trí giám sát: 01 vị trí, sau bể tự hoại.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Tọa độ: X = 1340654; Y = 428015.

5.2.4. Giám sát chất lượng nước thải chăn nuôi

Thông số giám sát: Lưu lượng thải, pH, Tổng chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng N, Tổng Coliform.

Vị trí giám sát: 02 vị trí, trước và sau hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: Trước xử lý: $Y = 1340162$, $X = 428230$; sau xử lý: $Y = 1340155$, $X = 428227$.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi Cột A.

5.2.5. Giám sát chất thải rắn thông thường

Thông số giám sát: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

Vị trí giám sát:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực ở và sinh hoạt của công nhân.

- Giám sát chất thải rắn thông thường tại nhà chứa rác, nhà chứa phân, ...

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.6. Giám sát chất thải rắn nguy hại

Thông số giám sát: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.7. Giám sát khác: Ngoài công tác giám sát các chất thải phát sinh, chủ dự án còn giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

6. Các điều kiện có liên quan

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước và thú y. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước và theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và tổ chức vận hành thử nghiệm theo quy định. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột A (tái sử dụng 100% vào mục đích cấp nước uống cho heo, xịt rửa sàn, làm mát hệ thống chuồng và một phần sử dụng tưới cây trồng trong khu vực dự án).

6.3. Việc tuần hoàn nước thải phát sinh từ trang trại được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải một phần dành cho mục đích tưới cây trong khu vực dự án phải đáp ứng các yêu cầu sau (quy định tại khoản 3, Điều 59 Luật Chăn nuôi năm 2018 và các quy định có liên quan) :

- Lập phương án, kế hoạch theo từng tháng gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi thực hiện việc tưới cây. Kế hoạch được lập đảm bảo lượng nước tưới vừa đủ; tuyệt đối không lạm dụng việc tưới cây để tiêu thoát nước thải hoặc làm nước tưới chảy tràn gây ô nhiễm nguồn nước mặt hoặc thấm quá mức xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Chỉ được tích nước trong hồ dự phòng khi xảy ra các sự cố với hệ thống xử lý nước thải, khi xảy ra các sự cố với hệ thống xử lý nước thải thì chủ dự án thực hiện bơm nước thải về hồ dự phòng để lưu giữ, sau khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa, khắc phục, phải bơm trở lại xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) của nguồn tiếp nhận nước thải và có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đắk Glong để theo dõi, giám sát.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; các hồ chứa trong hệ thống xử lý nước thải của dự án phải thực hiện xây dựng đúng theo thiết kế và được thẩm tra theo quy định..., ngoài ra có biện pháp ngăn chặn nước mưa chảy tràn chảy vào các hồ chứa nước thải.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

6.7. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có); thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất của dự án theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các quy định có liên quan trước khi tiến hành các bước để triển khai dự án theo đúng quy định. / 